TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 3 - 2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thuỷ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Ninh;
2. Ông Trần Duy Viễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thuý Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 347/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27/10/2020 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29/01/2021, Quyết định hoãn phiên toà số 12/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 25/02/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Bàn Thị S**, sinh năm 1998;
Địa chỉ: Xóm HL, xã TQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: **Anh Bàn Văn T**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Xóm HL, xã TQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Bàn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2017 tại Uỷ ban nhân dân xã TQ, huyện Yên Sơn và Đ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống tại xóm HL, xã TQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống,

tính tình không hợp nhau, không tôn trọng và không tin tưởng nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt Đ, hiện không tồn tại gia đình hạnh phúc tiến bộ bền vững, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị Đ ly hôn với anh Bàn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Bàn Đức H, sinh ngày 17/9/2015 và cháu Bàn Bằng Đ, sinh ngày 27/8/2017. Khi ly hôn chị có nguyện vọng Đ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bàn Bằng Đ. Chị tự nguyện để anh T là người T tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bàn Đức H. Chị và anh T đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai Đ cản trở.

Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh T tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết khi ly hôn.

Về nợ chung: Chị và anh T không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Bàn Văn T, tuy nhiên anh T không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án. Toà án đến địa phương nơi anh T sinh sống để làm việc, sau khi Toà án lấy lời khai của anh T, anh T không kí biên bản, Toà án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T, anh T có đọc các văn bản tố tụng nhưng sau đó anh T không kí biên bản.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị S có đăng ký kết hôn với anh Bàn Văn T tại Uỷ ban nhân dân xã TQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2017, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và Đ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị làm ăn, sinh sống tại thôn HL, xã TQ, huyện Yên Sơn. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị S đi làm thuê ở công ty nên vợ chồng không tin tưởng nhau. Đến tháng 9/2020 chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn HL, xã TQ, huyện Yên Sơn đến nay. Chị S hiện đang làm công nhân tại Công ty may, địa chỉ: xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, thu nhập của chị S như thế nào xóm không nắm Đ. Anh T hiện đang làm tự do ở nhà, thu nhập cụ thể xóm không nắm Đ. Thu nhập bình quân đầu người ở thôn khoảng 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng)/tháng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bàn Đức H, sinh ngày 17/9/2015 và cháu Bàn Bằng Đ, sinh ngày 27/8/2017, hiện nay các cháu đang ở cùng anh T. Sau khi chị S bỏ về nhà mẹ đẻ, chị S vẫn về chơi và mua sắm đồ cho các con. Tuy nhiên thời gian gần đây chị S về chơi với các con anh T không muốn cho chị S gặp các con, chị S đã báo cáo nội dung này cho chính quyền xóm.

Về tài sản, đất đai chung, công nợ chung: Anh chị đều đang ở chung với bố mẹ nên không có tài sản chung, nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục Đ quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bàn Thị S; Xử cho chị S Đ ly hôn với anh Bàn Văn T. Giao con chung là cháu Bàn Đức H, sinh ngày 17/9/2015 cho anh T là người T tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung là cháu Bàn Bằng Đ, sinh ngày 27/8/2017 cho chị S là người T tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị S và anh T đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai Đ cản trở.

Chị Bàn Thị S phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, Đ khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Bàn Thị S có hộ khẩu thường trú tại xóm HL, xã TQ, huyện Yên Sơn. Chị S có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh Bàn Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm HL, xã TQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Bàn Văn T không đến Tòa để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã đến địa phương để lấy lời khai của anh T và tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho anh T nhưng sau đó anh T không ký các biên bản, Toà án đã nhờ chính quyền địa phương tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho anh T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân xét thấy: Chị S và anh T sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2017 tại Uỷ ban nhân dân xã TQ, huyện Yên Sơn và Đ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung tại gia đình nhà anh T tại xóm HL, xã TQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không

tôn trọng và không tin tưởng nhau. Từ cuối năm 2020 đến nay chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chị S và anh T không ai còn quan tâm đến ai. Mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị S, xử cho chị Đ ly hôn với anh Bàn Văn T là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bàn Đức H, sinh ngày 17/9/2015 và cháu Bàn Bằng Đ, sinh ngày 27/8/2017, các cháu hiện đang ở cùng anh T. Khi ly hôn chị S có nguyện vọng Đ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bàn Bằng Đ. Chị tự nguyện để anh T là người T tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bàn Đức H. Chị và anh T đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai Đ cản trở.

Xét thấy nguyện vọng của chị S là phù hợp, vì hiện nay chị S đang đi làm gần nhà, có thời gian, điều kiện để chăm sóc con, chị S hiện đang ở nhà bố mẹ đẻ ở cùng xóm với anh T, cháu Bàn Bằng Đ hiện đang còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị S, giao con chung là cháu Bàn Bằng Đ, sinh ngày 27/8/2017 cho chị Bàn Thị S là người T tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục; giao con con là cháu Bàn Đức H, sinh ngày 17/9/2015 cho anh Bàn Văn T là người T tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Cả hai đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai Đ cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Bàn Thị S và anh Bàn Văn T tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về công nợ chung: Chị Bàn Thị S và anh Bàn Văn T không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Các đương sự Đ kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị S.

Xử cho chị Bàn Thị S Đ ly hôn với anh Bàn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bàn Bằng Đ, sinh ngày 27/8/2017 cho chị Bàn Thị S là người T tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung là cháu Bàn Đức H, sinh ngày 17/9/2015 cho anh Bàn Văn T là người T tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cả hai đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai Đ cản trở

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bàn Thị S phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng Đ trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0001838, ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị S đã nộp đủ án phí.

4. Chị Bàn Thị S và anh Bàn Văn T Đ quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận Đ Bản án hoặc Bản án Đ niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thu Hà - Đặng Thị Huệ	**Nguyễn Xuân Thủy**